

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa
2. Ông Nguyễn Việt Tú

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: khu xóm G, xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: khu xóm G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, tại bản tự khai ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và lối sống không hợp nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/11/2013, Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/01/2017, hiện nay đang ở với anh T và bố mẹ đẻ của anh T tại xã P, huyện C và Nguyễn Đức V, sinh ngày 01/5/2021, hiện nay đang ở với chị L.

Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức V. Để anh T trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn T nhiều lần nhưng anh T mặc dù không có mặt ở địa phương nhưng đã được gia đình thông tin về việc Tòa án báo đến là việc nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Ngày 31/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành làm việc và lấy lời khai của mẹ đẻ của anh T là bà Hà Thị Nụ trình bày như sau: Sau khi anh T, chị L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo thủ tục truyền thống thì vợ chồng anh chị về sống chung với ông, bà tại xã P đến năm 2018 thì anh chị làm nhà ở riêng trên đất của ông bà. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, mỗi lần mâu thuẫn chị T lại bỏ nhà đi sau đó lại tự về. Ngày 03/3/2022 thì chị L bỏ đi luôn không nói gì với ông, bà và chị L gọi anh T về trông con. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị L không chung T với anh T, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L không thay đổi. Nay chị L xin ly hôn, anh T có nói với ông, bà là anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L

nhưng anh không đến Toà án vì anh còn phải đi làm. Còn về con chung thì anh T nói với ông, bà là anh nuôi cháu C và cháu H không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức anh T không yêu cầu giải quyết. Bà Hà Thị N còn cung cấp: Hiện nay anh Nguyễn Đức T đi làm phụ xây ở Hà Nội, anh vẫn thường xuyên về thăm gia đình, tuy nhiên anh T không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể và nơi làm của anh ở đâu nên bà không biết. Anh T có nhờ bà nhận thay cho anh các văn bản tố tụng của Toà án huyện Cẩm Khê gửi đến và thông báo cho anh biết, bà đã nhất trí với anh T nhận thay cho anh các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh T.”

Quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử vắng mặt của anh T là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự phù hợp với Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên toà không có lý do là thực hiện không đúng quy định pháp luật, gây khó khăn và kéo dài cho việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức V, sinh ngày 01/5/2021. Anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/11/2013, Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/01/2017, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ xã Phượng Vĩ cho biết: “chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 06/3/2013. Quá trình chung sống của vợ chồng tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, tổ hoà giải chi Hội phụ nữ đã tiến hành hoà giải một lần khi chị L có đơn xin ly hôn anh T sau đó anh chị đã về đoàn tụ. Mâu thuẫn của vợ chồng là có thật nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vì lý do gì thì địa phương không nắm bắt được. Tuy nhiên gây đây vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, nhưng

nguyên nhân gì thì địa phương không rõ vì anh chị không yêu cầu tổ hoà giải và chính quyền địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu M, xã P sinh sống. Nay chị L xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng, thấy chị L và anh T đã sống ly thân, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị L xin ly hôn anh T đồng ý nhưng không đến Tòa án để làm việc mà để mặc chị T muốn làm thế nào thì chị tự làm. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị L xin ly hôn anh T là phù hợp cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ thấy rằng kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu C, cháu H do anh T và bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng. Cháu V do chị L nuôi dưỡng. Quá trình làm việc cháu Nguyễn Đức C có nguyện vọng xin ở với anh T. Việc cháu C xin ở với anh T là phù hợp với thực tế, cháu H, còn nhỏ kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu đã ở với anh T và ông bà nội nên cần tiếp tục giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để không làm sáo trộn và ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu. Cháu V còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức V, sinh ngày 05/01/2017; Anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/11/2013 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/01/2017, kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007669 ngày 09/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đức T đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

